

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 282/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 20 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho người
phải cách ly y tế tại cơ sở cách ly tập trung
của Công an tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 37/TTr-SYT ngày 18/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách do Sở Y tế lập kèm theo Tờ trình số 37/TTr-SYT ngày 18/01/2022 và kinh phí hỗ trợ cho người phải cách ly y tế tại cơ sở cách ly tập trung (Trung tâm Huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ) của Công an tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

Stt	Loại đối tượng	Số lượng	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền/ người/ ngày	Thành tiền
-----	----------------	----------	---------------------------	----------------------	------------

1	- Chính sách hỗ trợ cho người phải điều trị Covid-19, cách ly y tế (chính sách số 08 - mức 80.000 đồng/người/ngày)	90	658	80.000	52.640.000
	Tổng cộng:				52.640.000
	Bằng chữ:	Năm mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng.			

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Căn cứ danh sách đối tượng và kinh phí được phê duyệt, Giám đốc Công an tỉnh Kiên Giang chịu trách nhiệm triển khai hỗ trợ kịp thời cho đối tượng; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về các cơ quan chuyên môn theo quy định.

Giám đốc Công an tỉnh Kiên Giang chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về đối tượng nhận hỗ trợ trên địa bàn phụ trách và chỉ đạo lưu trữ hồ sơ theo quy định.

2. Giao Giám đốc các Sở, ngành: Y tế, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan hướng dẫn đơn vị về quy trình, thủ tục thực hiện các nội dung có liên quan và thanh toán, quyết toán kinh phí theo đúng quy định; tổ chức giám sát, theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các nội dung tại Điều 1 của Quyết định này; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Y tế).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Y tế, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang; Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh và cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *Dau*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Lao động - TBXH;
- Chánh, Phó CVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng KGVX, CVNC;
- Lưu: VT, pthtran, "HT".



Nguyễn Lưu Trung

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37 /TTr-SYT

Kiên Giang, ngày 14 tháng 01 năm 2022

VP. UBND TỈNH KG

Số: 473
ĐẾN Ngày: 19/01/2022
Chuyên: Nghị quyết số 126/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 33/2021/QĐ-
Số và ký hiệu HSTTg của Thủ tướng Chính phủ tập trung của Công an tỉnh Kiên Giang

TỜ TRÌNH

về việc thực hiện hỗ trợ người phải cách ly y tế theo
Nghị quyết số 126/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 33/2021/QĐ-
Thủ tướng Chính phủ tập trung của Công an tỉnh Kiên Giang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

Thực hiện Công văn số 126/UBND-KGVX ngày 07/12/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ và Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Chính phủ, sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang,

Theo đề nghị Công an tỉnh tại Tờ trình số 03/TTr-CAT-HC ngày 06/01/2022 về việc phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người được cách ly y tế (gọi tắt là chính sách số 8).

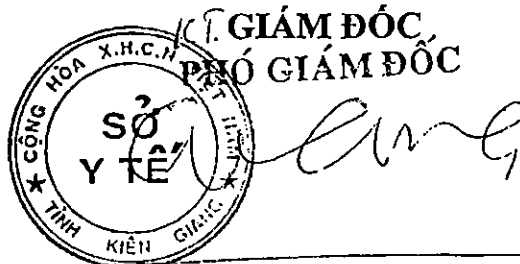
Sở Y tế đã tiếp nhận danh sách đề nghị của Công an tỉnh Kiên Giang. Qua đó, Sở Y tế tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối với 90 trường hợp với tổng số tiền 52.640.000 đồng (năm mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) cho người phải cách ly y tế.

(Kèm theo Bảng tổng hợp, Phụ lục 08a, Phụ lục 08c, dự thảo Quyết định phê duyệt).

Sở Y tế trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./. *vt*

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ Sở;
- Phòng KH-TC SYT;
- Lưu: VT, TCCB, lvtung.



Nguyễn Trúc Giang

Mẫu số 08C⁴⁰

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH F0, F1, NHẬN HỖ TRỢ
(Kèm theo Tờ trình số: 3.7.../TTr- SYT ngày 18./01/2022 của Sở Y tế)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Hoàng Thế Minh	15/06/1983		Khu tập thể Công an huyện Hòn Đất, Khu phố Đường Hòn, Thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, Kiên Giang	13/11/2021	560.000		162/QĐ-CAT-BCĐ; 163/QĐ-CAT-BCĐ
2	Nguyễn Tấn Thi	22/05/1993		Khu tập thể Công an huyện Hòn Đất, Khu phố Đường Hòn, Thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, Kiên Giang	13/11/2021	1.200.000		162/QĐ-CAT-BCĐ; 163/QĐ-CAT-BCĐ; 181/QĐ-CAT-BCĐ; 182/QĐ-CAT-BCĐ



3	Lê Thanh Tươi	26/06/1991		Khu tập thể Công an huyện Hòn Đất, Khu phố Đường Hòn, Thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, Kiên Giang	13/11/2021	160.000		162/QĐ-CAT-BCĐ
4	Phạm Quang Điệp	27/08/1995		Khu tập thể Công an huyện Hòn Đất, Khu phố Đường Hòn, Thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, Kiên Giang	13/11/2021	560.000		162/QĐ-CAT-BCĐ; 163/QĐ-CAT-BCĐ
5	Lê Đức Anh	30/10/1991		Khu tập thể Công an huyện Hòn Đất, Khu phố Đường Hòn, Thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, Kiên Giang	13/11/2021	720.000		162/QĐ-CAT-BCĐ; 163/QĐ-CAT-BCĐ; 181/QĐ-CAT-BCĐ
6	Lê Quốc Khởi	16/05/1993		Khu tập thể Công an huyện Hòn Đất, Khu phố Đường Hòn, Thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, Kiên Giang	13/11/2021	560.000		162/QĐ-CAT-BCĐ; 163/QĐ-CAT-BCĐ
7	Nguyễn Văn Điều	07/05/2000		Ấp Ngọc Thành, xã Vân Khánh Đông, huyện An Minh, Kiên Giang	14/11/2021	800.000		168/QĐ-CAT-BCĐ; 173/QĐ-CAT-BCĐ
8	Võ Chí Nguyên	21/01/1995		Ấp Công Sự, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, Kiên Giang	14/11/2021	800.000		168/QĐ-CAT-BCĐ; 173/QĐ-CAT-BCĐ
9	Trần Văn Xuyên	26/03/2000		Ấp 8-I, xã Thuận Hòa, huyện An Minh, Kiên Giang	14/11/2021	320.000		168/QĐ-CAT-BCĐ

10	Phạm Hoàng Triều	16/02/1997		Ấp Trung Đoàn, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, Kiên Giang	14/11/2021	480.000		168/QĐ-CAT-BCĐ; 173/QĐ-CAT-BCĐ
11	Trần Thanh Nhật	24/04/1997		Ấp Đông Thọ A, xã Thạnh Trị, huyện Tân Hiệp, Kiên Giang	14/11/2021	960.000		168/QĐ-CAT-BCĐ; 173/QĐ-CAT-BCĐ; 178/QĐ-CAT-BCĐ
12	Danh Hoàng Sơn	03/11/1996		Ấp Bào Trâm, xã Nam Yên, huyện An Biên, Kiên Giang	14/11/2021	800.000		168/QĐ-CAT-BCĐ; 173/QĐ-CAT-BCĐ
13	Trần Vũ Nhân	26/12/1999		Ấp Minh Cường, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, Kiên Giang	14/11/2021	960.000		168/QĐ-CAT-BCĐ; 173/QĐ-CAT-BCĐ; 178/QĐ-CAT-BCĐ
14	Phạm Công Tâm	13/06/1999		Ấp Kinh Xuôi, xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	14/11/2021	960.000		168/QĐ-CAT-BCĐ; 173/QĐ-CAT-BCĐ; 178/QĐ-CAT-BCĐ
15	Âu Trọng Nguyễn	28/06/2002		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	16/11/2021	480.000		535/QĐ-CAT-BCĐ

16	Đoàn Trần Quyền Anh	11/06/1998		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	16/11/2021	480.000		535/QĐ-CAT- BCĐ
17	Lê Minh Hoàng	16/01/1996		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	16/11/2021	480.000		535/QĐ-CAT- BCĐ
18	Lê Sỹ Dũng	18/04/1996		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	16/11/2021	480.000		535/QĐ-CAT- BCĐ
19	Danh Trí Phong	09/02/1999		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	16/11/2021	480.000		535/QĐ-CAT- BCĐ
20	Trần Hữu Tính	17/06/1999		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	16/11/2021	480.000		535/QĐ-CAT- BCĐ
21	Sử Văn Tân	09/04/1996		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	16/11/2021	480.000		535/QĐ-CAT- BCĐ
22	Phạm Gia Nghiêm	15/05/1999		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	16/11/2021	480.000		535/QĐ-CAT- BCĐ
23	Võ Hoàng Khang	03/11/1999		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	16/11/2021	480.000		535/QĐ-CAT- BCĐ

24	Huỳnh Hữu Hậu	29/10/1990		360A Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	17/11/2021	320.000		171/QĐ-CAT-BCĐ
25	Lê Nhật Duy	30/11/2000		360A Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	17/11/2021	320.000		171/QĐ-CAT-BCĐ
26	Lê Trí Thanh	03/04/1994		360A Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	17/11/2021	320.000		171/QĐ-CAT-BCĐ
27	Nguyễn Hữu Nhật	16/03/1998		360A Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	17/11/2021	880.000		171/QĐ-CAT-BCĐ
28	Dương Cao Chí Đại	21/06/2001		Ấp Kinh Xuôi, xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	18/11/2021	560.000		174/QĐ-CAT-BCĐ
29	Võ Văn Đẻ	09/09/2000		Ấp Khánh Hòa, xã Tân Khánh Hòa, huyện Giang Thành, Kiên Giang	18/11/2021	560.000		174/QĐ-CAT-BCĐ
30	Trần Chí Dũng	07/02/1993		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	18/11/2021	560.000		174/QĐ-CAT-BCĐ
31	Trần Tấn Thuận	19/04/1999		360A Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	18/11/2021	560.000		175/QĐ-CAT-BCĐ

32	Trần Thanh Trường	28/12/2001		360A Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	18/11/2021	560.000		175/QĐ-CAT-BCĐ
33	Danh Đăng	18/02/1999		360A Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	18/11/2021	560.000		175/QĐ-CAT-BCĐ
34	Nguyễn Thái Nguyên	21/05/1999		360A Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	18/11/2021	560.000		175/QĐ-CAT-BCĐ
35	Trần Thủ Hiền	22/08/1998		Số 221, tổ 16, ấp Kim Qui B, xã Văn Khánh, huyện An Minh, Kiên Giang	19/11/2021	240.000		177/QĐ-CAT-BCĐ
36	Võ Đức Huy	05/08/2001		Tổ 6, Khu phố 4, phường An Thới, Thành phố Phú Quốc, Kiên Giang	19/11/2021	720.000		177/QĐ-CAT-BCĐ; 183/QĐ-CAT-BCĐ
37	Nguyễn Ngọc Hải	03/02/1996		48 Lạc Hồng, khu phố 1, phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	19/11/2021	720.000		177/QĐ-CAT-BCĐ; 183/QĐ-CAT-BCĐ
38	Nguyễn Trọng Kính	30/11/2000		Áp Vĩnh Tiên, xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng, Kiên Giang	19/11/2021	720.000		177/QĐ-CAT-BCĐ; 183/QĐ-CAT-BCĐ

39	Lê Trường Giang	06/06/1988		L3 C13, khu phố Lê Anh Xuân, phường Vĩnh Quang, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	19/11/2021	720.000		177/QĐ-CAT-BCĐ; 183/QĐ-CAT-BCĐ
40	Lê Khắc Nghĩa	15/11/2000		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	20/11/2021	560.000		180/QĐ-CAT-BCĐ
41	Đặng Văn Vi	24/08/1997		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	20/11/2021	560.000		180/QĐ-CAT-BCĐ
42	Danh Quốc Huy Bình	13/02/2003		Khu phố Minh Long, Thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, Kiên Giang	21/11/2021	1.120.000		184/QĐ-CAT-BCĐ
43	Danh Hoài Hận	20/10/2003		Ấp Vĩnh Thành B, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu thành, Kiên Giang	21/11/2021	1.120.000		184/QĐ-CAT-BCĐ
44	Nguyễn Quốc Nam	17/07/2003		Ấp Tà Ke, xã Thạnh Hòa, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang	21/11/2021	1.120.000		184/QĐ-CAT-BCĐ
45	Võ Đức Anh	21/10/2003		Khu phố Cư Xá, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, Kiên Giang	21/11/2021	1.120.000		184/QĐ-CAT-BCĐ
46	Trần Nguyên	24/04/2003		Ấp Đông Phước, xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, Kiên Giang	21/11/2021	1.120.000		184/QĐ-CAT-BCĐ

47	Nguyễn Vũ Nguyên	19/02/2003		Ấp Vĩnh Hòa 1, xã. Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, Kiên Giang	21/11/2021	1.360.000		184/QĐ-CAT- BCĐ; 190/QĐ- CAT-BCĐ
48	Cao Liêm Khang	29/11/2001		Ấp Xẻo Nhàu B, xã Tân Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	400.000		197/QĐ-CAT- BCĐ
49	Nguyễn Thanh Quốc	16/03/1999		Ấp Minh Tân, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	400.000		197/QĐ-CAT- BCĐ
50	Trần Thiện Tánh	19/02/1997		Ấp Hòa Phú, xã Mong Thọ, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	400.000		197/QĐ-CAT- BCĐ
51	Hồ Duy Tân	15/12/2000		Ấp Sơn Hòa, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	400.000		197/QĐ-CAT- BCĐ
52	Nguyễn Quốc Trung	17/08/2000		Ấp Bờ Lòi A, xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	400.000		197/QĐ-CAT- BCĐ
53	Đặng Hữu Thành	18/08/2000		Tổ 8, ấp Minh Dũng, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	400.000		197/QĐ-CAT- BCĐ
54	Nguyễn Đình Xuyên	16/04/1997		Ấp 8 II, xã Thuận Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	400.000		197/QĐ-CAT- BCĐ

55	Nguyễn Đông Hồ	02/01/2000		Ấp Mười Hùng, xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	400.000		197/QĐ-CAT-BCĐ
56	Nguyễn Văn Cảnh	06/09/2001		Ấp Vĩnh Hòa II, xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	400.000		197/QĐ-CAT-BCĐ
57	Phạm Đặc Ân	11/03/2000		Ấp Mỹ Trung, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	400.000		197/QĐ-CAT-BCĐ
58	Danh Minh Xuân	12/08/1999		Ấp Thu Đông, xã Thới Quản, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	480.000		197/QĐ-CAT-BCĐ
59	Trương Quốc Chận	24/08/1998		Số nhà 53, Đoàn Thị Điểm, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	480.000		197/QĐ-CAT-BCĐ
60	Danh Chiếc	19/10/2000		Ấp Hòa Hưng, xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	480.000		197/QĐ-CAT-BCĐ
61	Võ Trần Tiến	09/07/1997		Số nhà 665, đường 30/4, phường Vĩnh Thông, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	28/11/2021	480.000		197/QĐ-CAT-BCĐ
62	Dương Chí Công	08/01/1999		Khu phố Phước Thành Lập, Thị trấn Gò Quao, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	480.000		197/QĐ-CAT-BCĐ

63	Phạm Đông Hồ	12/05/2001		Số nhà 203, ấp Năm Hải, xã Long Thành, huyện Giồng, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	480.000		197/QĐ-CAT-BCĐ
64	Đoàn Trọng Nghĩa	26/09/1999		Số nhà 64, khu phố 6, phường Vĩnh Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	480.000		197/QĐ-CAT-BCĐ
65	Nguyễn Minh Cảnh	20/12/2000		Ấp Tân Thành, xã Tân Hòa, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	480.000		197/QĐ-CAT-BCĐ
66	Võ Văn Bửu	16/06/1998		Ấp Vĩnh Hòa I, xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	480.000		197/QĐ-CAT-BCĐ
67	Trương Hoàng Đăng	21/07/2000		Khu phố Xã Ngách, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	480.000		197/QĐ-CAT-BCĐ
68	Huỳnh Thanh Hiền	18/06/1996		Khu phố 8, Thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang	01/12/2021	560.000		198/QĐ-CAT-BCĐ
69	Nguyễn Văn Nhã	17/02/2001		Ấp Tân Thành, xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang	01/12/2021	560.000		198/QĐ-CAT-BCĐ
70	Nguyễn Thành Công	08/09/2000		Khu phố 2, phường Tô Châu, Thành phố Hà Tiên, Kiên Giang	01/12/2021	560.000		198/QĐ-CAT-BCĐ

71	Bùi Văn Tâm	12/12/2001		Áp Tiên Phong, xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, Kiên Giang	01/12/2021	560.000		198/QĐ-CAT- BCĐ
72	Trần Ngọc Đình	13/09/2000		Áp An Phong, xã Định An, huyện Gò Quao, Kiên Giang	01/12/2021	560.000		198/QĐ-CAT- BCĐ
73	Trần Ngọc Hải	13/12/2000		Áp 9 Ghi, xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang	01/12/2021	560.000		198/QĐ-CAT- BCĐ
74	Danh Trường	07/11/1997		Áp Thanh Yên, xã Thanh Lộc, huyện Châu Thành, Kiên Giang	01/12/2021	560.000		198/QĐ-CAT- BCĐ
75	Nguyễn Hữu Tân	01/01/2000		Áp Phước Hòa, xã Thanh Lộc, huyện Châu thành, Kiên Giang	03/12/2021	560.000		202/QĐ-CAT- BCĐ
76	Đoàn Văn Dân	06/02/2000		Số 968, tổ 2, ấp Sơn Nam, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, Kiên Giang	03/12/2021	560.000		202/QĐ-CAT- BCĐ
77	Trần Bùi Duy Khánh	26/04/1996		7/14 Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	03/12/2021	560.000		202/QĐ-CAT- BCĐ
78	Hà Hải Hạnh	10/12/2000		Tổ 2, ấp Sơn Hòa, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, Kiên Giang	03/12/2021	560.000		202/QĐ-CAT- BCĐ
79	Nguyễn Hữu Đang	10/04/1999		Áp Tân Phong, xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận, Kiên Giang	03/12/2021	560.000		202/QĐ-CAT- BCĐ

80	Trần Thanh Bình	07/11/2001		Ấp Tư Hạt, xã Thạnh Hòa, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang	03/12/2021	560.000		202/QĐ-CAT-BCĐ
81	Nguyễn Hoàng Bảo	30/08/2000		Số 76, khu phố 1, phường Vĩnh Thông, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	03/12/2021	560.000		202/QĐ-CAT-BCĐ
82	Hồ Văn Duy	06/07/1999		Khu phố Ba Hòn, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, Kiên Giang	03/12/2021	560.000		202/QĐ-CAT-BCĐ
83	Hàn Văn Đạt	22/07/2000		Ấp Phước Tân, xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đất, Kiên Giang	03/12/2021	560.000		202/QĐ-CAT-BCĐ
84	Dương Thanh Phú	05/08/1999		360A Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	18/12/2021	560.000		710/QĐ-CAT-BCĐ
85	Ông Tiến Đạt	24/10/2001		360A Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	18/12/2021	1.120.000		710/QĐ-CAT-BCĐ; 211/QĐ-CAT-BCĐ
86	Trịnh Huỳnh Minh Chánh	09/09/2001		360A Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	18/12/2021	1.120.000		710/QĐ-CAT-BCĐ; 211/QĐ-CAT-BCĐ
87	Bùi Thành Tú	05/12/1997		Khu phố Lê Thị Hồng Gấm, phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	29/12/2021	240.000		820/QĐ-CAT-BCĐ

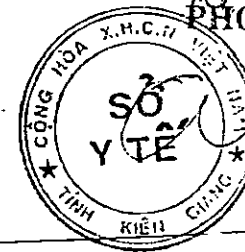
88	Đoàn Trọng Nghĩa	26/09/1999		Khu phố 6, phường Vĩnh Thông, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	29/12/2021	240.000		820/QĐ-CAT- BCĐ
89	Nguyễn Thành Công	08/09/2000		Khu phố 2, phường Tô Châu, Thành phố Hà Tiên, Kiên Giang	29/12/2021	240.000		820/QĐ-CAT- BCĐ
90	Nguyễn Nhật Hào	22/06/2000		Ấp Vĩnh Thành A, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu thành, Kiên Giang	29/12/2021	240.000		820/QĐ-CAT- BCĐ
	Tổng					52.640.000		

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Văn Trung

Kiên Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2022


 GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Trúc Giang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP

**Hỗ trợ người phải điều trị COVID-19,
cách ly y tế theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ
và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg của Thủ
Chính phủ tại cơ sở cách ly tập trung của Công an tỉnh Kiên Giang (đợt 10)**
(Kèm theo Tờ trình số 37 /TTr-SYT ngày 18 /01/2022 của Sở Y tế)

S/tt	Loại đối tượng	Số lượng	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền/người/ngày	Thành tiền
1	- Chính sách hỗ trợ cho người phải điều trị COVID-19, cách ly y tế (chính sách số 08 - mức 80.000 đồng/người/ngày)	90	658	80.000	52.640.000
	Tổng cộng:				52.640.000
	Bảng chữ:	Năm mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng.			

bt

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ Y TẾ

Mẫu số 08a
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH F0, F1 PHẢI ĐIỀU TRỊ, CÁCH LY Y TẾ

(Kèm theo Tờ trình số: 3.3 /TTr- SYT ngày 18 /01/2022 của Sở Y tế)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị	Số tiền (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Hoàng Thế Minh	15/06/1983		Khu tập thể Công an huyện Hòn Đất, Khu phố Đường Hòn, Thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, Kiên Giang	13/11/2021	19/11/2021	7	560.000	162/QĐ-CAT-BCĐ; 163/QĐ-CAT-BCĐ
2	Nguyễn Tấn Thi	22/05/1993		Khu tập thể Công an huyện Hòn Đất, Khu phố Đường Hòn, Thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, Kiên Giang	13/11/2021	27/11/2021	15	1.200.000	162/QĐ-CAT-BCĐ; 163/QĐ-CAT-BCĐ; 181/QĐ-CAT-BCĐ; 182/QĐ-CAT-BCĐ
3	Lê Thanh Tươi	26/06/1991		Khu tập thể Công an huyện Hòn Đất, Khu phố Đường Hòn, Thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, Kiên Giang	13/11/2021	14/11/2021	2	160.000	162/QĐ-CAT-BCĐ



4	Phạm Quang Điệp	27/08/1995		Khu tập thể Công an huyện Hòn Đất, Khu phố Đường Hòn, Thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, Kiên Giang	13/11/2021	19/11/2021	7	560.000	162/QĐ-CAT-BCĐ; 163/QĐ-CAT-BCĐ
5	Lê Đức Anh	30/10/1991		Khu tập thể Công an huyện Hòn Đất, Khu phố Đường Hòn, Thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, Kiên Giang	13/11/2021	21/11/2021	9	720.000	162/QĐ-CAT-BCĐ; 163/QĐ-CAT-BCĐ; 181/QĐ-CAT-BCĐ
6	Lê Quốc Khởi	16/05/1993		Khu tập thể Công an huyện Hòn Đất, Khu phố Đường Hòn, Thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, Kiên Giang	13/11/2021	19/11/2021	7	560.000	162/QĐ-CAT-BCĐ; 163/QĐ-CAT-BCĐ
7	Nguyễn Văn Điều	07/05/2000		Ấp Ngọc Thành, xã Vân Khánh Đông, huyện An Minh, Kiên Giang	14/11/2021	23/11/2021	10	800.000	168/QĐ-CAT-BCĐ; 173/QĐ-CAT-BCĐ
8	Võ Chí Nguyễn	21/01/1995		Ấp Công Sự, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, Kiên Giang	14/11/2021	23/11/2021	10	800.000	168/QĐ-CAT-BCĐ; 173/QĐ-CAT-BCĐ
9	Trần Văn Xuyên	26/03/2000		Ấp 8-I, xã Thuận Hòa, huyện An Minh, Kiên Giang	14/11/2021	17/11/2021	4	320.000	168/QĐ-CAT-BCĐ
10	Phạm Hoàng Triều	16/02/1997		Ấp Trung Đoàn, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, Kiên Giang	14/11/2021	19/11/2021	6	480.000	168/QĐ-CAT-BCĐ; 173/QĐ-CAT-BCĐ

11	Trần Thanh Nhật	24/04/1997		Ấp Đông Thọ A, xã Thanh Trị, huyện Tân Hiệp, Kiên Giang	14/11/2021	25/11/2021	12	960.000	168/QĐ-CAT-BCĐ; 173/QĐ-CAT-BCĐ; 178/QĐ-CAT-BCĐ
12	Danh Hoàng Sơn	03/11/1996		Ấp Bào Trâm, xã Nam Yên, huyện An Biên, Kiên Giang	14/11/2021	23/11/2021	10	800.000	168/QĐ-CAT-BCĐ; 173/QĐ-CAT-BCĐ
13	Trần Vũ Nhân	26/12/1999		Ấp Minh Cường, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, Kiên Giang	14/11/2021	25/11/2021	12	960.000	168/QĐ-CAT-BCĐ; 173/QĐ-CAT-BCĐ; 178/QĐ-CAT-BCĐ
14	Phạm Công Tâm	13/06/1999		Ấp Kinh Xuôi, xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	14/11/2021	25/11/2021	12	960.000	168/QĐ-CAT-BCĐ; 173/QĐ-CAT-BCĐ; 178/QĐ-CAT-BCĐ
15	Âu Trọng Nguyễn	28/06/2002		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	16/11/2021	21/11/2021	6	480.000	535/QĐ-CAT-BCĐ
16	Đoàn Trần Quyền Anh	11/06/1998		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	16/11/2021	21/11/2021	6	480.000	535/QĐ-CAT-BCĐ
17	Lê Minh Hoàng	16/01/1996		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	16/11/2021	21/11/2021	6	480.000	535/QĐ-CAT-BCĐ

18	Lê Sỹ Dũng	18/04/1996		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	16/11/2021	21/11/2021	6	480.000	535/QĐ-CAT- BCĐ
19	Danh Trí Phong	09/02/1999		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	16/11/2021	21/11/2021	6	480.000	535/QĐ-CAT- BCĐ
20	Trần Hữu Tính	17/06/1999		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	16/11/2021	21/11/2021	6	480.000	535/QĐ-CAT- BCĐ
21	Sử Văn Tân	09/04/1996		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	16/11/2021	21/11/2021	6	480.000	535/QĐ-CAT- BCĐ
22	Phạm Gia Nghiêm	15/05/1999		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	16/11/2021	21/11/2021	6	480.000	535/QĐ-CAT- BCĐ
23	Võ Hoàng Khang	03/11/1999		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	16/11/2021	21/11/2021	6	480.000	535/QĐ-CAT- BCĐ
24	Huỳnh Hữu Hậu	29/10/1990		360A Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	17/11/2021	20/11/2021	4	320.000	171/QĐ-CAT- BCĐ
25	Lê Nhật Duy	30/11/2000		360A Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	17/11/2021	20/11/2021	4	320.000	171/QĐ-CAT- BCĐ

26	Lê Trí Thanh	03/04/1994		360A Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	17/11/2021	20/11/2021	4	320.000	171/QĐ-CAT- BCĐ
27	Nguyễn Hữu Nhật	16/03/1998		360A Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	17/11/2021	27/11/2021	11	880.000	171/QĐ-CAT- BCĐ
28	Dương Cao Chí Đại	21/06/2001		Ấp Kinh Xuôi, xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	18/11/2021	24/11/2021	7	560.000	174/QĐ-CAT- BCĐ
29	Võ Văn Đê	09/09/2000		Ấp Khánh Hòa, xã Tân Khánh Hòa, huyện Giang Thành, Kiên Giang	18/11/2021	24/11/2021	7	560.000	174/QĐ-CAT- BCĐ
30	Trần Chí Dũng	07/02/1993		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	18/11/2021	24/11/2021	7	560.000	174/QĐ-CAT- BCĐ
31	Trần Tấn Thuận	19/04/1999		360A Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	18/11/2021	24/11/2021	7	560.000	175/QĐ-CAT- BCĐ
32	Trần Thanh Trường	28/12/2001		360A Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	18/11/2021	24/11/2021	7	560.000	175/QĐ-CAT- BCĐ
33	Danh Đặng	18/02/1999		360A Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	18/11/2021	24/11/2021	7	560.000	175/QĐ-CAT- BCĐ

34	Nguyễn Thái Nguyên	21/05/1999		360A, Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	18/11/2021	24/11/2021	7	560.000	175/QĐ-CAT-BCĐ
35	Trần Thủ Hiền	22/08/1998		Số 221; tổ 16, ấp Kim Qui B, xã Vân Khánh, huyện An Minh, Kiên Giang	19/11/2021	21/11/2021	3	240.000	177/QĐ-CAT-BCĐ
36	Võ Đức Huy	05/08/2001		Tổ 6, Khu phố 4, phường An Thới, Thành phố Phú Quốc, Kiên Giang	19/11/2021	27/11/2021	9	720.000	177/QĐ-CAT-BCĐ; 183/QĐ-CAT-BCĐ
37	Nguyễn Ngọc Hải	03/02/1996		48 Lạc Hồng, khu phố 1, phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	19/11/2021	27/11/2021	9	720.000	177/QĐ-CAT-BCĐ; 183/QĐ-CAT-BCĐ
38	Nguyễn Trọng Kính	30/11/2000		Ấp Vĩnh Tiên, xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng, Kiên Giang	19/11/2021	27/11/2021	9	720.000	177/QĐ-CAT-BCĐ; 183/QĐ-CAT-BCĐ
39	Lê Trường Giang	06/06/1988		L3 C13, khu phố Lê Anh Xuân, phường Vĩnh Quang, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	19/11/2021	27/11/2021	9	720.000	177/QĐ-CAT-BCĐ; 183/QĐ-CAT-BCĐ
40	Lê Khắc Nghĩa	15/11/2000		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	20/11/2021	26/11/2021	7	560.000	180/QĐ-CAT-BCĐ
41	Đặng Văn Vi	24/08/1997		507 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	20/11/2021	26/11/2021	7	560.000	180/QĐ-CAT-BCĐ

42	Danh Quốc Huy Bình	13/02/2003		Khu phố Minh Long, Thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, Kiên Giang	21/11/2021	04/12/2021	14	1.120.000	184/QĐ-CAT-BCĐ
43	Danh Hoài Hận	20/10/2003		Ấp Vĩnh Thành B, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu thành, Kiên Giang	21/11/2021	04/12/2021	14	1.120.000	184/QĐ-CAT-BCĐ
44	Nguyễn Quốc Nam	17/07/2003		Ấp Tà Ke, xã Thạnh Hòa, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang	21/11/2021	04/12/2021	14	1.120.000	184/QĐ-CAT-BCĐ
45	Võ Đức Anh	21/10/2003		Khu phố Cư Xá, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, Kiên Giang	21/11/2021	04/12/2021	14	1.120.000	184/QĐ-CAT-BCĐ
46	Trần Nguyên	24/04/2003		Ấp Đông Phước, xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, Kiên Giang	21/11/2021	04/12/2021	14	1.120.000	184/QĐ-CAT-BCĐ
47	Nguyễn Vũ Nguyên	19/02/2003		Ấp Vĩnh Hòa I, xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, Kiên Giang	21/11/2021	07/12/2021	17	1.360.000	184/QĐ-CAT-BCĐ; 190/QĐ-CAT-BCĐ
48	Cao Liêm Khang	29/11/2001		Ấp Xẻo Nhàu B, xã Tân Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	02/12/2021	5	400.000	197/QĐ-CAT-BCĐ
49	Nguyễn Thanh Quốc	16/03/1999		Ấp Minh Tân, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	02/12/2021	5	400.000	197/QĐ-CAT-BCĐ
50	Trần Thiện Tánh	19/02/1997		Ấp Hòa Phú, xã Mong Thò, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	02/12/2021	5	400.000	197/QĐ-CAT-BCĐ

51	Hồ Duy Tân	15/12/2000		Ấp Sơn Hòa, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	02/12/2021	5	400.000	197/QĐ-CAT-BCĐ
52	Nguyễn Quốc Trung	17/08/2000		Ấp Bờ Lồi A, xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	02/12/2021	5	400.000	197/QĐ-CAT-BCĐ
53	Đặng Hữu Thành	18/08/2000		Tổ 8, ấp Minh Dũng, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	02/12/2021	5	400.000	197/QĐ-CAT-BCĐ
54	Nguyễn Đình Xuyên	16/04/1997		Ấp 8 II, xã Thuận Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	02/12/2021	5	400.000	197/QĐ-CAT-BCĐ
55	Nguyễn Đông Hồ	02/01/2000		Ấp Mười Hùng, xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	02/12/2021	5	400.000	197/QĐ-CAT-BCĐ
56	Nguyễn Văn Cảnh	06/09/2001		Ấp Vĩnh Hòa II, xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	02/12/2021	5	400.000	197/QĐ-CAT-BCĐ
57	Phạm Đặc Ân	11/03/2000		Ấp Mỹ Trung, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	02/12/2021	5	400.000	197/QĐ-CAT-BCĐ
58	Danh Minh Xuân	12/08/1999		Ấp Thu Đông, xã Thới Quản, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	03/12/2021	6	480.000	197/QĐ-CAT-BCĐ
59	Trương Quốc Chận	24/08/1998		Số nhà 53, Đoàn Thị Điểm, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	03/12/2021	6	480.000	197/QĐ-CAT-BCĐ

60	Danh Chiéc	19/10/2000		Ấp Hòa Hưng, xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	03/12/2021	6	480.000	197/QĐ-CAT-BCĐ
61	Võ Trần Tiến	09/07/1997		Số nhà 665, đường 30/4, phường Vĩnh Thông, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	28/11/2021	03/12/2021	6	480.000	197/QĐ-CAT-BCĐ
62	Dương Chí Công	08/01/1999		Khu phố Phước Thành Lập, Thị trấn Gò Quao, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	03/12/2021	6	480.000	197/QĐ-CAT-BCĐ
63	Phạm Đông Hồ	12/05/2001		Số nhà 203, ấp Năm Hải, xã Long Thạnh, huyện Giồng, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	03/12/2021	6	480.000	197/QĐ-CAT-BCĐ
64	Đoàn Trọng Nghĩa	26/09/1999		Số nhà 64, khu phố 6, phường Vĩnh Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	03/12/2021	6	480.000	197/QĐ-CAT-BCĐ
65	Nguyễn Minh Cảnh	20/12/2000		Ấp Tân Thành, xã Tân Hòa, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	03/12/2021	6	480.000	197/QĐ-CAT-BCĐ
66	Võ Văn Bửu	16/06/1998		Ấp Vĩnh Hòa I, xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	03/12/2021	6	480.000	197/QĐ-CAT-BCĐ
				Khu phố Xã Ngách, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang					
67	Trương Hoàng Đăng	21/07/2000		Trần Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	28/11/2021	03/12/2021	6	480.000	197/QĐ-CAT-BCĐ
68	Huỳnh Thanh Hiền	18/06/1996		Khu phố 8, Thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang	01/12/2021	07/12/2021	7	560.000	198/QĐ-CAT-BCĐ

69.	Nguyễn Văn Nhã	17/02/2001		Ấp Tân Thanh, xã Thanh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang	01/12/2021	07/12/2021	7	560.000	198/QĐ-CAT-BCĐ
70	Nguyễn Thành Công	08/09/2000		Khu phố 2, phường Tô Châu, Thành phố Hà Tiên, Kiên Giang	01/12/2021	07/12/2021	7	560.000	198/QĐ-CAT-BCĐ
71	Bùi Văn Tâm	12/12/2001		Ấp Tiên Phong, xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, Kiên Giang	01/12/2021	07/12/2021	7	560.000	198/QĐ-CAT-BCĐ
72	Trần Ngọc Đình	13/09/2000		Ấp An Phong, xã Định An, huyện Gò Quao, Kiên Giang	01/12/2021	07/12/2021	7	560.000	198/QĐ-CAT-BCĐ
73	Trần Ngọc Hải	13/12/2000		Ấp 9 Ghì, xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang	01/12/2021	07/12/2021	7	560.000	198/QĐ-CAT-BCĐ
74	Danh Trường	07/11/1997		Ấp Thanh Yên, xã Thanh Lộc, huyện Châu Thành, Kiên Giang	01/12/2021	07/12/2021	7	560.000	198/QĐ-CAT-BCĐ
75	Nguyễn Hữu Tân	01/01/2000		Ấp Phước Hòa, xã Thanh Lộc, huyện Châu thành, Kiên Giang	03/12/2021	09/12/2021	7	560.000	202/QĐ-CAT-BCĐ
76	Đoàn Văn Dân	06/02/2000		Số 968, tổ 2, ấp Sơn Nam, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, Kiên Giang	03/12/2021	09/12/2021	7	560.000	202/QĐ-CAT-BCĐ
77	Trần Bùi Duy Khánh	26/04/1996		7/14 Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	03/12/2021	09/12/2021	7	560.000	202/QĐ-CAT-BCĐ
78.	Hà Hải Hạnh	10/12/2000		Tổ 2, ấp Sơn Hòa, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, Kiên Giang	03/12/2021	09/12/2021	7	560.000	202/QĐ-CAT-BCĐ

79	Nguyễn Hữu Đang	10/04/1999		Ấp Tân Phong, xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận, Kiên Giang	03/12/2021	09/12/2021	7	560.000	202/QĐ-CAT-BCĐ
80	Trần Thanh Bình	07/11/2001		Ấp Tư Hạt, xã Thạnh Hòa, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang	03/12/2021	09/12/2021	7	560.000	202/QĐ-CAT-BCĐ
81	Nguyễn Hoàng Bảo	30/08/2000		Số 76, khu phố 1, phường Vĩnh Thông, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	03/12/2021	09/12/2021	7	560.000	202/QĐ-CAT-BCĐ
82	Hồ Văn Duy	06/07/1999		Khu phố Ba Hòn, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, Kiên Giang	03/12/2021	09/12/2021	7	560.000	202/QĐ-CAT-BCĐ
83	Hàn Văn Đạt	22/07/2000		Ấp Phước Tân, xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đất, Kiên Giang	03/12/2021	09/12/2021	7	560.000	202/QĐ-CAT-BCĐ
84	Dương Thanh Phú	05/08/1999		360A Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	18/12/2021	24/12/2021	7	560.000	710/QĐ-CAT-BCĐ
85	Ông Tiến Đạt	24/10/2001		360A Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	18/12/2021	31/12/2021	14	1.120.000	710/QĐ-CAT-BCĐ; 211/QĐ-CAT-BCĐ
86	Trịnh Huỳnh Minh Chánh	09/09/2001		360A Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	18/12/2021	31/12/2021	14	1.120.000	710/QĐ-CAT-BCĐ; 211/QĐ-CAT-BCĐ
87	Bùi Thành Tú	05/12/1997		Khu phố Lê Thị Hồng Gấm, phường Vĩnh	29/12/2021	31/12/2021	3	240.000	820/QĐ-CAT-BCĐ

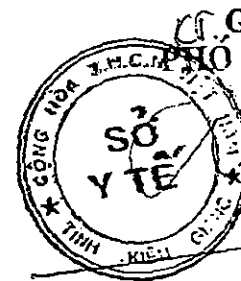
88	Đoàn Trọng Nghĩa	26/09/1999		Khu phố 6, phường Vĩnh Thông, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang	29/12/2021	31/12/2021	3	240.000	820/QĐ-CAT- BCĐ
89	Nguyễn Thành Công	08/09/2000		Khu phố 2, phường Tô Châu, Thành phố Hà Tiên, Kiên Giang	29/12/2021	31/12/2021	3	240.000	820/QĐ-CAT- BCĐ
90	Nguyễn Nhựt Hào	22/06/2000		Ấp Vĩnh Thành A, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu thành, Kiên Giang	29/12/2021	31/12/2021	3	240.000	820/QĐ-CAT- BCĐ
	Tổng						658	52.640.000	

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Văn Trung

Kiên Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2022


 CH. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC


 Nguyễn Trúc Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho người phải cách ly y tế
tại cơ sở cách ly tập trung của Công an tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số
chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do
đại dịch Covid-19;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng
Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động
và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;*

*Căn cứ Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2021 của
Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số
23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định
về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao
động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;*

*Căn cứ Công văn số 2236/UBND-KGVX ngày 07/12/2021 của Ủy ban
Nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 126/NQ-
CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ và Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày
06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 37/TTr-SYT ngày 18
tháng 01 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách (đính kèm danh sách do Sở Y tế lập theo Tờ trình số 37/TTr-SYT ngày 18 tháng 01 năm 2022) và kinh phí hỗ trợ cho người phải cách ly y tế tại cơ sở cách ly tập trung (Trung tâm Huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ) của Công an tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

Stt	Loại đối tượng	Số lượng	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền/người/ngày	Thành tiền
1	- Chính sách hỗ trợ cho người phải điều trị COVID-19, cách ly y tế (chính sách số 08 - mức 80.000 đồng/người/ngày)	90	658	80.000	52.640.000
	Tổng cộng:				52.640.000
	Bằng chữ:	Năm mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng.			

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Căn cứ danh sách đối tượng và kinh phí được phê duyệt, Giám đốc Công an tỉnh Kiên Giang chịu trách nhiệm triển khai hỗ trợ kịp thời cho đối tượng; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về các cơ quan chuyên môn theo quy định.

Giám đốc Công an tỉnh Kiên Giang chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về đối tượng nhận hỗ trợ trên địa bàn thành phố và chỉ đạo lưu trữ hồ sơ theo quy định.

2. Giao trách nhiệm cho Giám đốc các sở, ngành: Y tế, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan hướng dẫn địa phương về quy trình, thủ tục thực hiện các nội dung có liên quan và thanh toán, quyết toán kinh phí theo đúng quy định; tổ chức giám sát, theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các nội dung tại Điều 1 của Quyết định này; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Y tế).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Y tế, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang; Giám đốc Công an tỉnh Kiên Giang và Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh và cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *alana*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**